

MỘT SỐ QUY ĐỊNH CỦA LUẬT THI HÀNH ÁN DÂN SỰ LIÊN QUAN NGƯỜI DÂN, DOANH NGHIỆP CẦN BIẾT

I. QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA ĐƯƠNG SỰ, NGƯỜI CÓ QUYỀN, NGHĨA VỤ LIÊN QUAN

Thứ nhất: Quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án (Điều 6)

Tại Điều 6 Luật THADS năm 2025 quy định quyền, nghĩa vụ của người được thi hành án như sau:

1. Người được thi hành án có các quyền sau đây:

a) Lựa chọn cơ quan thi hành án dân sự hoặc văn phòng thi hành án dân sự để yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật này;

b) Xác minh và cung cấp thông tin về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án;

c) Được thông báo về thi hành án theo quy định của Luật này;

d) Thỏa thuận với các đương sự khác, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về việc thi hành án;

đ) Yêu cầu Tòa án xác định, phân chia quyền sở hữu, quyền sử dụng tài sản thi hành án; yêu cầu Tòa án sửa chữa, bổ sung bản án, quyết định khi phát hiện lỗi rõ ràng về chính tả, về số liệu do nhầm lẫn hoặc tính toán sai; yêu cầu Tòa án giải thích bản án, quyết định tuyên không rõ, khó thi hành; khởi kiện dân sự để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trong trường hợp có tranh chấp về tài sản liên quan đến thi hành án;

e) Yêu cầu áp dụng biện pháp bảo đảm, áp dụng biện pháp cưỡng chế thi hành án, đình chỉ thi hành một phần hoặc toàn bộ quyết định thi hành án theo quy định của Luật này;

g) Yêu cầu thay đổi Chấp hành viên trong trường hợp có căn cứ cho rằng Chấp hành viên không vô tư khi làm nhiệm vụ;

h) Yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự, văn phòng thi hành án dân sự xác nhận kết quả thi hành án theo quy định của pháp luật. Việc yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án được thực hiện trên môi trường số hoặc trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn qua đường bưu điện;

i) Chuyển giao quyền được thi hành án cho người khác;

k) Ủy quyền cho người khác thực hiện quyền, nghĩa vụ của mình;

l) Tạm ứng chi phí cưỡng chế thi hành án và được xét miễn, giảm phí thi hành án theo quy định của pháp luật;

m) Khiếu nại, tố cáo về thi hành án.

2. Người được thi hành án có các nghĩa vụ sau đây:

a) Chấp hành nghiêm chỉnh bản án, quyết định;

b) Thực hiện các quyết định, yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên trong thi hành án; cung cấp số định danh, số tài khoản ngân hàng hoặc phương tiện thanh toán khác theo yêu

cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên;

c) Thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên khi có thay đổi về địa chỉ, nơi cư trú;

d) Chịu chi phí (nếu có) khi yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy định của pháp luật;

đ) Chịu phí, chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật.

Thứ hai: Quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án (Điều 7)

Tại Điều 7 Luật THADS năm 2025 quy định quyền, nghĩa vụ của người phải thi hành án như sau:

1. Người phải thi hành án có các quyền sau đây:

a) Lựa chọn cơ quan thi hành án dân sự hoặc văn phòng thi hành án dân sự để yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật này;

b) Quyền quy định tại các điểm c, d, đ, g, h và m khoản 1 Điều 6 của Luật này;

c) Chuyển giao nghĩa vụ thi hành án cho người khác theo quy định của Luật này;

d) Ủy quyền cho người khác yêu cầu thi hành án, yêu cầu xác nhận kết quả thi hành án và các trường hợp khác được ủy quyền theo quy định của Luật này;

đ) Được xét miễn, giảm nghĩa vụ thi hành án; được xét miễn, giảm phí và chi phí cưỡng chế thi hành án theo quy định của pháp luật.

2. Người phải thi hành án có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thi hành đầy đủ, kịp thời bản án, quyết định; thực hiện các quyết định, yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên trong thi hành án;

b) Cung cấp số định danh; kê khai trung thực tài khoản, tài sản, điều kiện thi hành án; cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, giấy tờ có liên quan đến tài sản của mình khi có yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên và chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai, cung cấp thông tin đó;

c) Thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên khi có thay đổi về địa chỉ, nơi cư trú;

d) Chịu phí, chi phí thi hành án theo quy định của pháp luật.

Thứ ba: Quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Điều 8)

Điều 8 Luật THADS năm 2025 quy định quyền, nghĩa vụ của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như sau:

1. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các quyền sau đây:

a) Được thông báo, tham gia vào việc thi hành án mà mình có liên quan theo quy định của pháp luật;

b) Quyền quy định tại điểm đ và điểm m khoản 1 Điều 6 của Luật này.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có các nghĩa vụ sau đây:

a) Thực hiện các quyết định, yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên trong thi hành án;

b) Thông báo cho cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên khi có thay đổi về địa chỉ, nơi cư trú;

c) Cung cấp thông tin liên quan đến việc thi hành án theo yêu cầu của cơ quan thi hành án dân sự, Chấp hành viên, văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên.

II. VỀ THẨM QUYỀN TỔ CHỨC THADS

Thứ nhất: Nhiệm vụ, quyền hạn của Chấp hành viên (Điều 25)

1. Tổ chức thi hành vụ việc được phân công, ra các quyết định, văn bản khác về thi hành án theo thẩm quyền.

2. Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; thực hiện nghiêm chỉnh chuẩn mực đạo đức Chấp hành viên theo quy định của Bộ trưởng Bộ Tư pháp.

3. Triệu tập đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan để giải quyết việc thi hành án.

4. Xác minh tài sản, điều kiện thi hành án; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp, chia sẻ thông tin, dữ liệu, tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án hoặc phối hợp với cơ quan có liên quan xử lý vật chứng, tài sản và những việc khác liên quan đến thi hành án.

5. Áp dụng biện pháp bảo đảm thi hành án, biện pháp cưỡng chế thi hành án theo quy định của Luật này.

6. Đề nghị cơ quan Công an xử lý người có hành vi gây rối trật tự công cộng, chống đối, cản trở việc tổ chức thi hành án, chống người thi hành công vụ khi tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật.

7. Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người vi phạm.

8. Áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của Luật này để thu hồi tiền, tài sản đã chi trả cho đương sự không đúng quy định của pháp luật hoặc để thu phí thi hành án và các khoản phải nộp khác.

9. Được sử dụng công cụ hỗ trợ trong khi thi hành công vụ theo quy định của Chính phủ.

10. Lập biên bản về hành vi vi phạm pháp luật về thi hành án dân sự; xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền.

11. Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật hoặc theo sự phân công của Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự.

12. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Chấp hành viên phải tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước pháp luật về quyết định, hành vi của mình.

Thứ hai: Nhiệm vụ, quyền hạn của Thừa hành viên (Điều 29)

1. Thừa hành viên được thực hiện các công việc sau đây:

a) Tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án dân sự;

b) Xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu của đương sự và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

c) Tổng đạt giấy tờ, hồ sơ, tài liệu;

d) Lập vi bằng theo yêu cầu của cơ quan, tổ chức, cá nhân;

đ) Thực hiện các công việc khác theo quy định của pháp luật.

2. Khi tổ chức thi hành án dân sự, Thừa hành viên có các nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Tổ chức thi hành vụ việc được phân công;

b) Thi hành đúng nội dung bản án, quyết định; áp dụng đúng các quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục thi hành án, bảo đảm lợi ích của Nhà nước, quyền, lợi ích hợp pháp của đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;

c) Yêu cầu đương sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến văn phòng thi hành án dân sự để giải quyết việc thi hành án;

d) Xác minh tài sản, điều kiện thi hành án theo quy định của Luật này; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cung cấp thông tin, tài liệu để xác minh địa chỉ, tài sản, điều kiện thi hành án của người phải thi hành án. Thừa hành viên có quyền xác minh ngoài địa bàn tỉnh, thành phố nơi văn phòng thi hành án dân sự đặt trụ sở.

Văn phòng thi hành án dân sự, Thừa hành viên có nghĩa vụ thanh toán chi phí (nếu có) theo quy định của pháp luật khi yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân cung cấp thông tin theo quy định của Luật này;

đ) Đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền thực hiện phong tỏa tài khoản, tài sản ở nơi gửi giữ; tạm ngừng giao dịch, tạm dừng việc đăng ký, chuyển quyền sở hữu, quyền sử dụng, thay đổi hiện trạng tài sản;

e) Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền xử lý hành vi vi phạm trong thi hành án dân sự theo quy định của pháp luật;

g) Nhiệm vụ, quyền hạn khác theo quy định của pháp luật.

3. Khi thực hiện xác minh điều kiện thi hành án theo yêu cầu, Thừa hành viên thực hiện theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều này.

4. Thực hiện các công việc quy định tại điểm c và điểm d khoản 1 Điều này theo quy định của Chính phủ.

5. Khi thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, Thừa hành viên tuân theo pháp luật, chịu trách nhiệm trước người yêu cầu và trước pháp luật về việc thực hiện công việc của mình.

III. MỘT SỐ QUY ĐỊNH VỀ YÊU CẦU THADS VÀ GỬI LẠI YÊU CẦU THADS

Thứ nhất: Yêu cầu và ra quyết định thi hành án theo yêu cầu (Điều 34)

1. Đương sự có quyền yêu cầu thi hành án, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 33 của Luật này. Ủy ban Cảnh tranh Quốc gia có quyền yêu cầu thi hành án theo quy định của Luật Cảnh tranh.

Việc yêu cầu thi hành án được thực hiện trên môi trường số hoặc trực tiếp nộp đơn hoặc trình bày bằng lời nói hoặc gửi đơn qua đường bưu điện.

2. Thời hiệu yêu cầu thi hành án là 05 năm kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày nghĩa vụ đến hạn...

Không tính thời hiệu yêu cầu thi hành án trong trường hợp đương sự yêu cầu thi hành án trở lại sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã gửi lại yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều 38 của Luật này.

3. Khi tiếp nhận yêu cầu thi hành án, cơ quan thi hành án dân sự phải kiểm tra nội dung yêu cầu, các tài liệu kèm theo và thông báo cho người yêu cầu.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án và bản án, quyết định, trừ trường hợp từ chối yêu cầu thi hành án theo quy định tại khoản 4 Điều này...

4. Cơ quan thi hành án dân sự từ chối yêu cầu thi hành án, thông báo cho người yêu cầu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được yêu cầu thi hành án khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người yêu cầu không có quyền yêu cầu thi hành án hoặc nội dung yêu cầu không liên quan đến nội dung của bản án, quyết định;

b) Bản án, quyết định không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ của các đương sự theo quy định của Luật này;

c) Cơ quan thi hành án dân sự được yêu cầu không có thẩm quyền thi hành án;

d) Hết thời hiệu yêu cầu thi hành án;

đ) Nội dung yêu cầu thi hành án đã có quyết định thi hành án, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Thứ hai: Khoản 4 Điều 38 Luật Thi hành án dân sự quy định về gửi lại yêu cầu THADS như sau:

Hết thời hạn 02 năm kể từ ngày có quyết định về việc chưa có điều kiện thi hành án và đã xác minh theo quy định tại khoản 3 Điều này mà không có thông tin mới về điều kiện thi hành án của người phải thi hành án thì cơ quan thi hành án dân sự gửi lại yêu cầu thi hành án. Đương sự có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự thi hành án trở lại theo quy định tại Điều 34 của Luật này khi người phải thi hành án có điều kiện thi hành hoặc có quyền yêu cầu văn phòng thi hành án dân sự thi hành án theo quy định tại Điều 31 của Luật này.

Ngoài ra, tại Nghị định 152/2026/NĐ-CP, ngày 13/5/2026 của Chính phủ còn quy định cụ thể về gửi lại yêu cầu thi hành án:

...Đối với việc cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án theo yêu cầu thì cơ quan thi hành án dân sự thông báo bằng văn bản về việc gửi lại yêu cầu thi hành án cho người đã yêu cầu. Yêu cầu thi hành án và tài liệu kèm theo phải được sao chụp và lưu trong hồ sơ thi hành án...

Sau khi cơ quan thi hành án dân sự đã gửi lại yêu cầu thi hành án mà đương sự yêu cầu thi hành án trở lại thì phải cung cấp tài liệu chứng minh người phải thi hành án có điều kiện thi hành. Trường hợp có căn cứ xác định người phải thi hành án có điều kiện thi hành thì cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án và tổ chức thi hành án theo quy định của pháp luật...

Thứ ba: Cơ quan, nơi tiếp nhận yêu cầu thi hành án

Người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền trực tiếp hoặc trực tuyến yêu cầu thi hành án, kèm theo bản sao bản án, quyết định sơ thẩm có hiệu lực pháp luật hoặc quyết định khác của cơ quan có thẩm quyền. Nếu vụ việc xét xử phúc thẩm thì kèm theo cả bản án phúc thẩm, các tài liệu khác có liên quan (nếu có).

• Địa điểm tiếp nhận trực tiếp:

Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai, số 21, đường Nguyễn Văn, phường Quy Nhơn Nam, tỉnh Gia Lai và tại 14 Phòng Thi hành án dân sự khu vực trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

• Địa chỉ tiếp nhận trực tuyến:

<https://httthads.moj.gov.vn/>

Chịu trách nhiệm xuất bản
NGUYỄN XUÂN HỒNG

Trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

Tổ trưởng Tổ biên tập
VÔ CÔNG HOÀNG

Phó trưởng Thi hành án dân sự tỉnh Gia Lai

Biên tập:

Đặng Văn Việt, Võ Văn Hường, Lê Thành Long, Trần Duy Tân,
Võ Kim Lang, Nguyễn Trọng Tài, Nguyễn Hoàng Anh,
Lê Tiến Dũng, Nguyễn Văn Tuấn và 1 số BTV khác

Tham gia biên tập:

Mai Thị Kiều Oanh, Lưu Sơn Kiệt, Nguyễn Thái Tín,
Cao Trường Vũ, Nguyễn Thị Hiền Linh, Nguyễn Thị Thu Trinh

In 1.000 bản, khổ 29,7 x 21 (cm), tại Công ty TNHH MTV In Nhân Dân Bình Định. GPXB số ngày do Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Gia Lai cấp. In xong và nộp lưu chiểu tháng/2026.